

**NGHỆ THUẬT SỬ DỤNG PHÉP ĐIỆP  
TRONG THƠ THIÊN NHIÊN ĐỜI TRẦN\***

**TRÂM THANH TUẤN**

1. Phép điệp là một phương thức ngữ nghĩa. Ở đây, người ta lặp lại một cách có ý thức hai hay nhiều lần những từ, ngữ. Phép điệp có cơ sở quy luật tâm lí, một vật kích thích nhiều lần sẽ làm cho người ta chú ý. Khác hẳn với sự trùng lặp vô ích, không có ý thức, phép điệp là một sự lặp lại nghệ thuật để đem đến cho tác phẩm những hiệu quả nghệ thuật độc đáo, là cái mà người ta thường gọi là "vẻ đẹp lặp lại" (*phản phúc mĩ*) hay "vẻ đẹp đi về" (*lai phúc mĩ*). Mặc dù lặp lại nhưng theo diễn tiến thời gian nên phép điệp vẫn đem đến cho người đọc những ấn tượng mới mẻ, có tính chất tăng tiến. Phép điệp có tác dụng làm nổi bật và phát triển nội dung trình bày, tình cảm biểu hiện hoặc đối tượng miêu tả.

2. Thơ thiên nhiên đời Trần phần lớn được sáng tác theo thể Đường luật mà số lượng các bài tứ tuyệt chiếm đa số. Từ sự thống kê các thể thơ trong *Nam Ông mộng lục*, Nguyễn Đăng Na đã kết luận: "Từ bảng thống kê, sơ bộ ta có thể kết luận rằng, thời Trần người ta thích sáng tác thơ tứ tuyệt hơn thơ bát cú" [3, 188]. Một thủ pháp nghệ thuật thường gặp trong thơ tứ tuyệt là phép điệp. Nguyễn Sĩ Đại trong *Một số đặc trưng nghệ thuật thơ*

*tứ tuyệt thời Đường* đánh giá rằng: "sự lặp lại với thơ bát cú là điều kiêng kị thì thơ tứ tuyệt coi đó là một thủ pháp nghệ thuật được ưa chuộng" và "sự lặp lại ở ngũ ngôn lại thường thấy hơn ở thất ngôn" [5]. Như vậy, có thể nói việc tận dụng phép điệp là một ưu thế nghệ thuật của thơ tứ tuyệt. Nó phản ánh một kiểu lựa chọn ngôn từ thỏa mãn được những yêu cầu cụ thể xuất phát từ đặc trưng thể loại, bởi một thể loại ngắn "Li thủ túc vĩ, li vĩ túc thủ" (*Rời đầu là chạm đuôi, lia đuôi là chạm đầu*) như tứ tuyệt, sẽ làm người đọc khó giữ lại những ấn tượng đặc sắc. Để khắc phục nhược điểm đó các nhà thơ đời Trần đã sử dụng phép điệp với dụng ý khắc sâu hình tượng nghệ thuật vào tâm trí độc giả.

Đọc bài *Cúc hoa bách vịnh* của Trương Hán Siêu (kì IV):

*Khứ niên kim nhật hữu hoa đa,  
Đối khách sầu vô tửu khả xa.*

.....

\* *Chúng tôi quan niệm: thơ thiên nhiên là những bài thơ được gợi hứng trực tiếp từ những hình ảnh thiên nhiên. Thơ thiên nhiên đời Trần tập trung vào ba mảng: Thơ thiên nhiên thể hiện cảm hứng thế sự, cảm hứng công dân và cảm hứng Thiên.*

*Thế sự tương vi mỗi như thử,  
Kim triêu hữu tửu khước vô hoa.  
(Ngày này năm ngoái có nhiều hoa,  
Nhưng nhìn khách buồn không  
có đủ rượu uống,  
Sự đời vẫn hay trái ngược nhau  
như vậy,  
Hôm nay nhiều rượu lại không  
có hoa.)*

*Hoa và rượu* là hai yếu tố tạo thi hứng cho các thi nhân xưa. Nhưng ở đây thi nhân lại gặp một hoàn cảnh trở trêu đó là khi có nhiều hoa thì lại không có rượu uống. Nhưng *hôm nay (kim nhật)* nơi đất khách tha hương có *rượu* thì lại không có *khóm cúc* của quê nhà. Từ đó mà thi nhân đã khái quát thành triết lí về "thế sự": Cuộc đời không bao giờ được trọn vẹn "nhân vô thập toàn". Để biểu đạt triết lí đó thi nhân đã lập các từ: *vô - hữu, hoa - tửu*. Bên cạnh đó việc đảo các phép điệp: *hữu hoa - vô tửu, hữu tửu - vô hoa*, thi nhân còn thể hiện tâm trạng quẩn quanh day dứt giữa nhiệt huyết cống hiến tạo công danh và ước muốn về với điền viên cây cỏ. Đó là bi kịch trong tâm hồn của thi nhân khi phải chọn lựa một con đường "xuất" hay "xử" (Để hiểu thêm ý này xin đọc lại kì I, II, III của bài thơ).

Phép điệp là một thể mạnh được tận dụng trong các bài tứ tuyệt tả cảnh, tả tình, nhằm khắc sâu yếu tố trung tâm chi phối toàn bộ cảnh vật, tâm trạng. Chẳng hạn trong phạm vi 20 chữ của bài thơ *Đề thu giang tổng biệt đồ* của Trần Đình Thâm đã có đến ba từ *giang* được lặp lại:

*Giang thụ tình cánh nùng,  
Giang ba lục vị dĩ.  
Li tứ hạo nan thu,  
Thao thao kí giang thủy.  
(Trời lạnh cây bên sông càng xanh  
đậm,  
Sóng trên sông mãi xanh về không  
ngừng.  
Nỗi nhớ xa nhau mênh mông không  
nói hết,*

*Đành gửi theo nước sông cuộn trôi.)*

Ở đây từ *giang* được lặp lại ba lần đã tạo thành yếu tố "ngôn ngữ hạt nhân" nhằm tập trung nhấn mạnh cái không gian li biệt lúc này là dòng sông bất tận. Dòng sông trở thành hình ảnh trung tâm, được thi nhân kí thác vào đây nỗi nhớ nhưng da diết trong niềm li biệt. Nỗi nhớ của thi nhân dạt dào không thể nói bằng lời mà chỉ còn biết gửi gắm vào dòng nước cuộn cuộn. Bài thơ tác động mạnh mẽ đến sự tiếp nhận của người đọc không phải bởi những từ ngữ mỹ lệ hay sự phong phú của ngôn từ mà nhờ vào sự lặp lại, nhấn mạnh liên tục âm hưởng ngân nga của từ *giang* khiến cho hình ảnh dòng sông mãi in đậm như là một kỉ niệm sâu sắc buổi chia tay.

Tiếp cận với bài thơ *Đề Đông sơn tự* của Trần Minh Tông, ta thấy phép điệp kết hợp với việc đảo trật tự đã tạo nên hiệu quả nghệ thuật độc đáo:

*Vân tự thanh sơn, sơn tự vân,  
Vân sơn trường dữ lão tăng thân.  
Tự tông Viên công khứ thế hậu,  
Thiên hạ Thích tử không vô nhân.  
(Mây tựa núi xanh, núi tựa mây*

*Mây núi gần mãi với vị sư già.*

*Từ sau khi Viên công tạ thế*

*Phật tử trong thiên hạ không còn  
có ai nữa.)*

Bài thơ sử dụng phép điệp và đảo trật tự của các phép điệp ở các yếu tố: *Vân tự - sơn, sơn tự - vân* rồi gộp hai yếu tố *vân* và *sơn* lại: "*Vân sơn trường dữ lão tăng nhân*". Hai câu thơ đầu có mười bốn chữ thì trong đó chỉ có tám chữ khác nhau, nhà thơ sử dụng phép điệp ở đây nhằm thể hiện một cái nhìn thống nhất của con người Thiền. Thiền học quan niệm mọi sự vật hiện tượng đều có nguồn gốc từ bản thể vũ trụ nên các hình ảnh thiên nhiên và con người đều được Thiền nhân cảm nhận trong cái nhìn thống nhất không phân biệt. Trước tiên ta nhận thấy đó là sự thống nhất giữa vật - vật (*Vân tự sơn thanh sơn tự vân*). Sau là sự thống nhất giữa con người đã ngộ lẽ Thiền với không gian ngoại cảnh (*Vân sơn trường dữ lão tăng nhân*).

Con người Thiền trong bài thơ đã phá bỏ ngã pháp lưỡng chấp, nhập vào trạng thái vô ý thức, như mây bay, nước chảy, như núi xanh, như hoa nở, lá rơi tự do, tự tại thanh nhàn không sinh không diệt. Đó là hình ảnh của một con người đã đắc đạo, hòa nhập, tồn tại vĩnh hằng trong lẽ biến thiên của tạo hóa. Bài thơ thể hiện cảm quan

Thiền của thi gia khi xem vạn vật và con người vốn cùng một bản thể. Cái ảo diệu ấy không phải được thể hiện bằng lượng ngôn từ phong phú mà chỉ là những *vân, sơn, tự* lặp đi lặp lại tuy nhiên nó lại mở ra một cái nhìn Thiền học đầy thi vị.

3. Ngoài ra việc sử dụng từ láy hoàn toàn và từ ghép trùng lặp là một hiện tượng mang tính phổ quát trong thơ thiên nhiên đời Trần. Nó tạo cho lời thơ thông suốt, nhịp nhàng hoặc dồn dập mạnh mẽ và đây cũng là một dạng thức đặc biệt của phép điệp.

Từ láy hoàn toàn là từ đơn đa âm tiết mà âm của chúng được láy lại hoàn toàn, thí dụ: *tiêu tiêu, sơ sơ, du du,...* Từ ghép trùng lặp là loại từ có: "Hai từ đơn giống nhau hoàn toàn về âm đọc và ý nghĩa, kết hợp với nhau hoàn toàn một chỉnh thể, thường để biểu thị ý toàn thể, khắp lượt, liên tục, lặp đi, lặp lại" [6], thí dụ: *xứ xứ (khắp nơi), niên niên (năm này qua năm khác, năm nào cũng vậy)...* Sự kết hợp này làm tăng thêm hàm nghĩa của từ gốc. Nói cách khác, nghĩa của từ ghép loại này sinh thành và phát triển dựa trên cơ sở ý nghĩa của từ tố đã tạo nên nó, đây là sự khác biệt căn bản giữa từ ghép trùng lặp với từ láy hoàn toàn.

Ta có thể so sánh sự khác biệt đó qua hai từ cụ thể sau:

Từ láy hoàn toàn	Từ ghép trùng lặp
<i>Tiêu tiêu</i> là tiếng ngựa hí, tiếng gió rít. Nếu tách rời ra thì <i>tiêu</i> là tên một loại cỏ. Người ta không thể từ ý nghĩa này của <i>tiêu</i> mà truy ra nghĩa của từ láy <i>tiêu tiêu</i> được	<i>Gia gia</i> : nhà nhà. Người ta thấy rõ nghĩa của từ này vốn gắn bó chặt chẽ với nghĩa của từ <i>gia</i> : nhà.

Nguyễn Phi Khanh là một trong những thi gia đời Trần đã sử dụng phổ

biến từ láy hoàn toàn và từ ghép trùng lặp trong các thi phẩm của mình. Chẳng

hạn để miêu tả tiếng chuông ngân nga, vọng lại từ ngôi chùa xa, xuyên qua lớp sương mù buổi sớm đến thuyền khách, thi nhân đã viết:

Viễn viễn *tùng tẵng tạt*,

Sơ sơ *lạc khách bông*.

(*Hoá Thành thân chung*)

Với từ ghép trùng lặp *viễn viễn* (*xa xa*), người đọc không xác định được vị trí cụ thể của ngôi chùa. Ngôi chùa như đang lẫn khuất, thấp thoáng như thực như hư trong cái không gian mờ ảo của buổi sớm đầy sương. Đến câu thơ thứ hai nhà thơ sử dụng từ láy tượng thanh *sơ sơ* (âm thanh thưa thớt, khoan nhặt) để diễn tả âm thanh của tiếng chuông. Đây là âm thanh duy nhất của bài thơ. Chúng ta có cảm giác như với từ *sơ sơ* gọi thanh, thi nhân đã đo được độ ngân của tiếng chuông vọng đến thuyền khách. Đó là những tiếng ngân diu dặt, vang xa trong một khoảng không tĩnh lặng. Bên cạnh đó hai chữ: *viễn viễn*, *sơ sơ* ở đầu câu đã trở thành cặp từ đối ứng nhằm tạo nhạc điệu cho bài thơ. Ta cũng bắt gặp thủ pháp này ở nhiều bài thơ khác, chẳng hạn như trong bài *Sơn Trung*:

*Vũ dư yên thụ lung lung thúy,*

*Nhật mộ hồng vân nhiễm nhiễm sinh.*

(*Sau trận mưa cây tỏa khói xanh đậm đậm*

*Trời chiều mây hồng dần dần sinh.*)

Hay để miêu tả nỗi sầu thường trực, dai dẳng xuyên suốt nhiều đêm thao thức, thi nhân viết:

*Thu lai dạ dạ tổng quan tình*

(*Thu dạ*)

Từ ghép trùng lặp *dạ dạ* (*đêm đêm*) đã làm tăng hàm nghĩa của từ gốc *dạ*, thể hiện trường nghĩa liên tục, lặp đi, lặp lại.

Từ láy hoàn toàn được thi nhân sử dụng bởi chúng có khả năng gọi thanh (từ tượng thanh), gọi hình (từ tượng hình) đồng thời chúng còn có thể miêu tả thời gian.

Nguyễn Trung Ngạn cũng đã dùng từ tượng hình *thê thê* để miêu tả không gian mờ ảo, tịch mịch của chốn Thiền, nơi chỉ có màu khói bảng lảng hòa cùng những vật cỏ thơm:

*Hòa yên phương thảo lục thê thê*

(*Hòa với khói, cỏ thơm có màu xanh mờ mờ*)

Để miêu tả thời gian bất định mênh mông mờ mịt không xác định, Phạm Mại dùng từ *du du* trong bài *Bắc sứ ngẫu thành*:

*Hành chỉ nhậm du du*

(*Đi hay dừng, phó mặc cho (trương lai) mờ mịt*)

*Du du* là từ láy hoàn toàn đặc biệt xuất hiện phổ biến trong Đường thi, nó vừa có khả năng miêu tả thời gian vừa có thể miêu tả không gian, chẳng hạn: *Bạch vân thiên tải không du du* (*Hoàng Hạc Lâu*, Thôi Hiệu); *Niệm thiên địa chi du du* (*Đăng U Châu Đài ca*, Trần Tử Ngang)...

Trong bài *Bồn Phó Tì Bà Đình*, miêu tả buổi tối dài dằng dặc trong nỗi sầu của người lữ thứ, Nguyễn Trung Ngạn đã dùng từ *man man*:

*Địch hoa phong cấp dạ man man*

(*Hoa lau gió thổi gấp, đêm dài mênh mông*)

Tuy sử dụng từ láy hoàn toàn, từ ghép trùng điệp sẽ bớt đi một từ quý giá của các bài thơ tuyệt cú nhưng lại thêm rất nhiều về ý nghĩa, tạo sức vang xa và ám ảnh, gây nên những ấn tượng đặc biệt trong lòng người đọc.

4. Bên cạnh đó chúng ta nhận thấy việc sử dụng các từ đồng nghĩa, gần nghĩa hoặc cùng trường nghĩa về cơ bản cũng không nằm ngoài xu hướng tận dụng phép lặp ngữ nghĩa, tận dụng tính tương đồng về nghĩa của các yếu tố ngôn ngữ trong việc phát triển hình tượng thơ. Lặp ngữ nghĩa là phương thức dùng hai hay nhiều từ cùng nghĩa, gần nghĩa hoặc cùng trường nghĩa để phát triển đầy đủ các phương diện của nội dung miêu tả. Khi sáng tạo thi ca, các thi nhân dùng các từ đồng nghĩa hoặc gần nghĩa không phải để lặp lại cùng một tư tưởng mà để bổ sung thêm một phương diện nào đó của nội dung định biểu đạt. Hai ba từ đồng nghĩa, gần nghĩa hoặc cùng trường nghĩa được sắp xếp cạnh nhau, gần nhau sẽ đưa lại hiệu quả biểu đạt cao hơn, sự vật được miêu tả biểu hiện được nhấn mạnh hơn, khả năng biểu đạt được đa dạng hơn, sâu sắc hơn. Trong bài *Thứ Hoàn châu điểm*, để khắc họa cảnh hoang sơ tiêu điều của vùng thành châu trên đường đi sứ. Nguyễn Trung Ngạn viết:

*Địa tịch man thôn thiếu,*

*Sơn u dịch thảo thâm.*

(*Đất hẻo lánh xóm làng người dân tộc thiểu số ít*

*Núi thâm u, cỏ tràm mọc đầy.*)

Những từ có cùng trường nghĩa như: *tịch, thiếu, u, thâm* đã khắc sâu hơn cái hoang vắng của cảnh vật từ đó càng khơi gợi trong lòng thi nhân nỗi buồn li hương, cảm cảnh cho bản

thân đang phải gởi thân nơi cảnh núi non hiểm trở rừng thiêng nước độc.

Ở bài *Lạng Châu văn cảnh* Trần Nhân Tông viết:

*Thủy minh sơn tĩnh bạch âu quá,*

*Phong định vân nhàn hồng thụ sơ.*

(*Nước trong núi lặng chìm âu trắng bay qua*

*Gió đứng mây yên lơ thơ cây đỏ.*)

Hàng loạt tính từ có cùng trường nghĩa diễn tả trạng thái tĩnh tại của sự vật được lặp lại liên tục nhằm khắc sâu cái tĩnh mịch của không gian, sự trong sáng lặng lẽ của cảnh vật. Bốn yếu tố không gian gắn với bốn hình dung từ có cùng trường nghĩa là những "mã thâm mĩ" của Đường thi: *sơn - thủy* thể hiện không gian ở mặt đất thì tĩnh lặng, trong sáng: *minh, tĩnh*. *Phong - vân* thể hiện không gian của bầu trời thì cũng lững lờ, nhàn tản: *định, nhàn*. Các không gian đều được nhìn thống nhất trong sự tĩnh tại an nhiên, phảng phất hơi hướng của cảm thức Thiền trong cái tâm tĩnh lặng của con người Trần Nhân Tông, ông vua thi sĩ lúc nào cũng khát khao hòa nhập tâm hồn của mình vào thiên nhiên tạo vật.

Tương tự với phương thức lặp ngữ nghĩa như bài thơ trên, ở bài *Xuân nhật du sơn tự* Trần Công Cảnh viết:

*Viện tĩnh, sơn minh song tự họa,*

*Nhất đình phương thảo, phật gia nhàn.*

Với hình dung từ có cùng trường nghĩa *tĩnh, minh*, thi nhân đã nhấn mạnh cái tĩnh lặng, thuần khiết của không gian chốn Thiền am.

Cùng với từ gần nghĩa, từ có cùng trường nghĩa được các thi nhân sử

dụng phổ biến. Ta còn thấy từ đồng nghĩa cũng xuất hiện trong các bài thơ thiên nhiên đời Trần. Chẳng hạn như bài *Trường An hoài cổ* của Trần Quang Triều

*Hà nhạc chung tồn cổ quốc phi,  
Số hàng lãng bách đối tà huy.*

*Cựu thời vương khí mai thu thảo,  
Mạc vũ niên niên dã điệp phi.*

(*Sông núi cuối cùng vẫn còn, nhưng nước (kinh đô) cũ không còn*)

*Mây hàng cây bách bên lãng đứng  
đối diện với ánh chiều tà*

*Khí thế của vương triều xưa đã  
chôn vùi dưới cỏ mùa thu*

*Trong màn mưa năm năm vẫn  
còn có những cánh bướm nhớ nhưng  
đến bay.)*

Bài thơ thể hiện cảm xúc của thi nhân trước cảnh hoang phế của Kinh Đô một triều đại xưa. Để khắc họa sâu sắc nỗi niềm hoài cổ, nhà thơ đã sử dụng hai tính từ đồng nghĩa *cổ* và *cựu*: *xưa*. Hình ảnh của phế tích được lặp lại hai lần trong một bài thơ tứ tuyệt ngắn ngủi đã trở nên ấn tượng, khơi gợi xúc cảm hoài cổ băng khuâng, sâu lắng trong lòng người đọc.

5. Tóm lại, trong sáng tạo thơ ca, các thi nhân đời Trần dường như xem phép lặp là một thủ pháp nghệ thuật đặc biệt quan trọng, nhất là khi sáng tác tuyệt cú. Cơ cấu lặp lại của ngôn ngữ thơ đã góp phần khắc phục cái bất lợi của sự ngắn gọn của thể thơ này là ngôn từ rất dễ lướt qua trước khi người thưởng thức kịp nắm bắt nó. Đồng thời, phép điệp cũng giúp nhấn mạnh, tô đậm hình tượng thơ, khiến cho những con chữ quý hiếm trong bài tứ tuyệt luôn mang tính đa nghĩa, luôn có sức ngân vang, ám ảnh, khắc ghi.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Khâu Chân Thanh, *Lí luận văn học cổ điển Trung Quốc*, Nxb Văn học, H., 1994.

2. Lê Trí Viễn (chủ biên), *Cơ sở ngữ văn Hán Nôm*, Tập 1, Nxb GD, H., 1984.

3. Nguyễn Đăng Na, *Con đường giải mã văn học trung đại Việt Nam*, Nxb GD, H., 2006.

4. Nguyễn Kim Châu, *Thơ tứ tuyệt trong văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX*, Luận án Tiến sĩ, ĐHSP, Tp. HCM, 2001.

5. Nguyễn Sỹ Đại, *Một số đặc trưng nghệ thuật thơ tứ tuyệt thời Đường*, Nxb Văn học, H., 1996.

6. Trần Văn Chánh, *Sơ lược ngữ pháp Hán văn*, Nxb Đà Nẵng, 1997.

7. Viện Văn học, *Thơ văn Lý - Trần*, Tập 2, Quyển thượng, Ủy ban KHXHVN, Nxb KHXH, H., 1989.

#### SUMMARY

During Tran dynasty, the poets considered the repetition of words an extremely important art, especially in the four-line poems. The poets took fully advantage of this art in their poems describing the landscapes and feelings in order to deeply highlight the factors influencing the landscapes and the feelings. With the poems describing nature during Tran dynasty, the poets mainly exploited the following aspects of the repetition of words: completely reduplicative words, repeated compound words, synonyms, words with partly the same meaning. This distinctive art contributed to the real beauty of the immortal poems of nature during Tran dynasty.